

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kha L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kha L trình bày: Chị và anh G tự nguyện kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình anh G gia trưởng, thường xuyên đánh đập chị, từ đó bất đồng quan điểm, không còn hợp nhau và sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Anh V, sinh ngày 08/8/2009 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn G đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh G đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị L vắng mặt có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh G là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh G tự nguyện kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã HV nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng nên ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên có động viên, hàn gắn nhưng anh chị vẫn không thể chung sống lại được. Quá trình giải quyết vụ án, anh G đã biết chị L kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh G không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị L đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị L và anh G hiện không còn chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Anh V, sinh ngày 08/8/2009 hiện do chị L đang nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu V có nguyện vọng được sống với chị L và chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung thì anh G không phản bác. Do đó, Tòa án cần giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị Lê Thị Kha L được ly hôn với anh Huỳnh Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Anh V, sinh ngày 08/8/2009 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng, chị L đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007261 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã HV (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên